

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 22/2022/DS-ST.

Ngày: 28/3/2022.

V/v: “T/c hợp đồng vay tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đoạt

2. Bà Phạm H Gái

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: không

Ngày 28 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 9, khu phố Đường Hòn, thị trấn Hòn Đất, huyện HĐ, tỉnh KG

2/ Bị đơn: Ông **Bùi Đức H1**, sinh năm 1976 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 9 khu phố Tri Tôn, thị trấn Hòn Đất, huyện HĐ, tỉnh KG

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1976 (vợ ông H1 – có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 9 khu phố Tri Tôn, thị trấn Hòn Đất, huyện HĐ, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Đức H1 là chỗ quen biết nên vào ngày 15/9/2020 bà H có cho ông H1 vay số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất là 6%/tháng, ông H1 hẹn sau 7 ngày sẽ trả, ông H1 cho biết vay về để làm ăn, việc vay tiền hai bên có lập biên nhận viết tay cùng ngày. Khi đến hạn trả nợ bà H có nhiều lần yêu cầu ông H1 trả gốc và lãi nhưng ông H1 hứa hẹn mà không thực hiện.

Theo đơn khởi kiện bà H yêu cầu ông Bùi Đức H1 và bà Nguyễn Thị G phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng, bà H không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên theo đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 16/3/2022 và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Đức H1 trả cho bà số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng, bà H không yêu cầu tính lãi.

** Tại Bản tự khai đề ngày 15/02/2022 bị đơn ông Bùi Đức H1 trình bày như sau:* Ông Bùi Đức H1 thừa nhận ngày 15/9/2020 có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng/50 triệu, hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ, việc vay tiền ông có viết biên nhận tay cho bà H giữ, số tiền vay của bà H ông H1 sử dụng vào mục đích làm ăn kinh tế trong gia đình. Sau khi vay ông có đóng lãi cho bà H nhiều lần nhưng số tiền bao nhiêu thì ông không nhớ và ông cũng không có gì chứng minh cho việc trả lãi này nên ông không yêu cầu tính lại số tiền lãi đã đóng.

Việc bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền vay là 50.000.000 đồng thì ông đồng ý trả nhưng hiện tại hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi hết số nợ trên.

** Tại Bản tự khai đề ngày 16/3/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị G trình bày như sau:*

Bà Nguyễn Thị G là vợ của ông Bùi Đức H1, bà và ông H1 cưới nhau vào năm 2002, ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 06/3/2002. Khoản vay 50.000.000 đồng mà ông H1 vay của bà H thì bà hoàn toàn không hay biết, bà không biết ông H1 vay khi nào, vay để làm gì, ông H1 cũng không giao số tiền này cho bà. Đến khi Tòa án đến tổng đạt giấy mời thì bà mới đến khoản vay này, đồng thời phía bà H cũng chưa bao giờ đến nhà gặp bà để nói gì về khoản vay trên. Do đó việc bà H yêu cầu bà cùng với ông H1 phải trả tiền nợ cho bà H thì bà G không đồng ý, vì bà không có vay tiền của bà H. Ông H1 vay tiền của bà H thì ông H1 có trách nhiệm trả, bà không có trách nhiệm gì trong vụ việc này. Đồng thời bà G đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt do bà phải đi làm ăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ông Bùi Đức H1 trả số tiền vay còn nợ gốc còn nợ là 50.000.000 đồng. Ông H1 cư trú tại khu phố Tri Tôn, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Bùi Đức H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị G có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 HĐXX giải quyết vắng mặt ông H1 và bà G.

[3] *Về nội dung vụ án:* Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự HĐXX có cơ sở nhận định như sau: Vào ngày 15/9/2020 ông Bùi Đức H1 có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 6%/tháng, việc vay tiền có lập biên nhận tay cùng ngày. Tại các bản khai ông H1 thừa nhận còn nợ bà H số tiền nêu trên nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại bản khai ông H1 trình bày ông có đóng lãi cho bà H nhiều lần nhưng không nhớ đóng bao nhiêu tiền và đóng vào thời gian nào, việc đóng lãi cũng không có gì chứng minh. Do đó lời trình bày của ông H1 là không có cơ sở để được HĐXX xem xét.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà H chỉ yêu cầu ông Bùi Đức H1 phải trả cho bà số tiền vay còn nợ là 50.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng vay tài sản giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, bên cho vay đã thực hiện nghĩa vụ giao tài sản cho bên vay, bên vay đã nhận tài sản nhưng chưa thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận.

Tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay, khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.*

Xét yêu cầu xin được trả dần của phía bị đơn ông Bùi Đức H1. Căn cứ vào mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TANDTC - VKSNDTC- Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản quy định "...Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành ...". Đồng thời tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn cũng không đồng ý cho phía bị đơn được trả dần do đó HĐXX không xem xét.

Từ những cơ sở nêu trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để được chấp nhận. Buộc ông Bùi Đức H1 phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay gốc còn nợ là 50.000.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với việc không yêu cầu bà Nguyễn Thị G phải liên đới cùng trả nợ với ông Bùi Đức H1 do nguyên đơn tự nguyện rút lại yêu cầu này.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Bùi Đức H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.500.000 đồng (50.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 471, 472, 743, 474, 476, 477 và khoản 2 Điều 257 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc ông Bùi Đức H1 phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với việc không yêu cầu bà Nguyễn Thị G phải liên đới cùng trả nợ với ông Bùi Đức H1.

3/. Về án phí DSST: Buộc ông Bùi Đức H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.500.000 đồng.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001428 ngày 30/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

4/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn An